



Thư Tòa Soạn

Thơ không ai đọc, nói chỉ đến thơ dịch. Thế thì, có sao tờ báo song ngữ, *Poetry Journal in Print*, vừa phát hành số ra mắt lại có những phản ứng tích cực như vậy. Trước khi tạm thời tìm ra lời giải đáp, chúng ta cần nhắc lại một số tiến trình thơ Mỹ.

Thơ tự do ra đời với tập thơ *Lá Cỏ* (Leaves of Grass) của Walt Whitman, năm 1855, với ngữ pháp song song (parallelism). Tuy nhiên, phải đợi nửa thế kỷ sau, những nhà thơ hiện đại đầu tiên sau Whitman, như T. S. Eliot, Ezra Pound ... thay vì dùng ngữ pháp song song, họ dùng kỹ thuật lặp lại chữ và câu chữ để tạo nhịp điệu, điều họ gọi là một chuỗi nhạc tính, với mục đích thay thế nhịp điệu thơ thể luật. Nhưng tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm (polysyllable), nên sự lặp lại một chuỗi những âm tiết, quá dài, và không đủ mạnh, so với sự lặp lại chỉ một đơn vị âm tiết không nhấn, nhấn của thơ thể luật. Sự thất bại trong việc thay thế nhạc tính trong thể luật thơ truyền thống, đưa tới một quan điểm, khi từ bỏ những yếu tố thơ truyền thống, nhà thơ phải tự tạo nên luật tắc của họ.

Hình thức (hay thể thơ) và nội dung là hai tiêu điểm hấp dẫn người đọc. Tạo ra luật tắc trước hết là tạo ra hình thức hay cấu trúc thơ. Cấu trúc hay hình thức thơ không đơn giản chỉ là những câu dài ngắn xuống dòng. Cấu trúc là hình thể trên trang giấy mang tính sáng tạo và cá biệt của nhà thơ liên hệ tới ý nghĩa và nội dung bài thơ. Có hai yếu tố trong cách làm một bài thơ: trật tự và hỗn mang. Trật tự là âm thanh (với thể thơ của thơ thể luật) hoặc thị giác (với cấu trúc của thơ tự do), dùng để kiểm chế hỗn mang là ý nghĩa và cách diễn đạt. Thơ tự do nếu không tạo ra được cấu trúc mới, người làm thơ mất phương

tiện kiểm chế, thơ rơi vào tình trạng lan man, tuôn ra từ hết trang này đến trang khác.

(Đa số những nhà thơ tự do cho rằng luật tắc và thể thơ truyền thống gò bó? Nhưng luật tắc đã là kỹ năng sản sinh ra biết bao nhà thơ thiên tài cho nhân loại, từ Đông qua Tây. Nếu không có luật tắc thì lấy gì luyện tập để có được tài năng? Đối với những nhà thơ kinh nghiệm, luật tắc đã nằm lòng trong vô thức của họ, thì đâu còn gì gò bó. Chỉ khi nào sáng tác, nó mới tự động trở thành phương tiện trật tự kiểm chế hỗn mang, để tạo thành những tác phẩm hay. Đó là bí ẩn mà chỉ những người từng thực hành dòng thơ này mới nắm bắt được.)

Nhưng tạo ra được cấu trúc thơ tự do thì rất khó. Đầu tiên là nhà thơ William Carlos Williams, ông tạo cấu trúc thơ từ nhịp điệu ngôn ngữ nói thông tục, và ông gọi là hình thể nghệ thuật (art form), trong những bài thơ ngắn, hình thức đơn giản nhưng ý nghĩa xúc tích, và sâu lắng. William Carlos Williams là khuôn mặt quan trọng trong thơ tự do Mỹ. Ảnh hưởng của ông trải dài tới nửa sau thế kỷ 20, đặc biệt là phong trào tiên phong Black Mountain. Nhưng nếu cấu trúc thơ của ông hình thành từ ngôn ngữ và đời sống bình thường với những con người bình thường, thì các phong trào tiên phong lại tạo ra những cấu trúc thơ khó hiểu, đưa thơ nghiêng về tâm trí bằng cách, tách nhóm chữ xuống dòng (phrase-breaking), tách chữ xuống dòng (word-breaking), vụn vẹo chữ (word-jamming), hình thành nhịp điệu hình ảnh, nhịp điệu ý tưởng, trên trang giấy, trong đó hình thức kéo dài và phản ảnh nội dung.

Để hình dung một cách cụ thể, trên Báo Giấy, nhiều bài thơ được chọn dịch ra tiếng Việt của William Carlos Williams (*Memory of April* / Ký

Úc Thánh Tư), Frank O' Hara (*Morning / Buổi Sáng*), Tom Riordan (*Two Small Fans / Hai Quạt Máy Nhỏ*)... về hình thức, giống như Tân hình thức Việt, nhưng thật ra đó là thơ tự do, và không theo luật tắc tạo nhịp điệu (*không nhấn, nhấn*) của thơ thể luật. Trong lúc thơ Tân hình thức Việt, tùy nội dung và giọng điệu bài thơ, là những thể thơ 5 chữ, 7 chữ, lục bát không vần. (Nhiều nhà thơ hay dùng thể 5 chữ, tạo nên sự hiểu lầm là thơ Tân hình thức Việt có hình thức là 5 chữ.)

Trong thơ hiện thời, số người làm thơ tăng lên theo cấp số nhân, và bao gồm trong đó, luôn cả phê bình, nghiên cứu, giảng dạy, những người quan tâm tới thơ, hình thành một lớp người đọc Mỹ tinh tuyền. Và họ đã quen đánh giá một bài thơ hay, phải có giá trị cả về hình thức lẫn nội dung. *Báo Giấy* song ngữ đã gửi tới hàng ngàn nhà thơ tự do và thể luật, và lời cuốn họ bởi:

1/ Một hình thức thơ vừa mới lạ vừa quen thuộc, và có nhịp điệu.

2/ Có nội dung là những ý tưởng liên lạc và đặc sắc bởi những khác biệt văn hóa.

3/ Đáp ứng đúng tiêu chuẩn của ngữ học và dịch thuật, vì người đọc tiếng Anh sẽ không đọc, nếu bản dịch không có văn phong là ngôn ngữ bản địa của họ.

Thơ tự do Mỹ, suốt thế kỷ 20 đã đưa thể loại thơ này phát triển tới chỗ cùng tốt, đồng thời, bằng tinh thần sáng tạo và khám phá, phân tích và lý luận, qua những phong trào tiền phong đã giúp chúng ta nhìn rõ mọi khía cạnh tổng quan về thơ, cả thể luật lẫn tự do. Và phát hiện, mỗi thể loại đều có những bất cập, cần phối hợp và bổ túc cho nhau, để thơ có được một cách diễn đạt mới mẻ và hoàn thiện. Và vì thế, bất cứ sự thay đổi nào cũng đòi hỏi mỗi nhà thơ phải có những hiểu biết sâu sắc về những tiến trình thơ, cả thơ vần điệu lẫn tự do của thơ Việt lẫn thơ tiếng Anh.

Hai yếu tố thơ Tân hình thức: *nhịp điệu* phong phú và *ý tưởng* mới mẻ. Thơ Tân hình thức, nếu tư duy bằng *chữ*, bài thơ sẽ khó hiểu, người làm

thơ không tạo ra được tư tưởng, nếu tư duy bằng *ý tưởng liên lạc*, bài thơ sẽ có tính tư tưởng và chiều sâu. Tân hình thức đòi hỏi người làm thơ phải thay đổi tư duy và sáng tác theo đúng tiêu chuẩn của dòng thơ này. Vì thơ Tân hình thức Việt không đơn giản chỉ là một phong trào thơ, mà là sự phối hợp những yếu tố vần điệu và tự do, thay đổi cách sáng tác, để có thể đưa thơ Việt ra ngoài thế giới. Nhưng nếu khởi đầu, thơ cần những ý tưởng liên tục (tính truyện), dễ hiểu và dễ chuyển dịch, thì bây giờ nhu cầu dịch thuật cần bài thơ có chiều sâu tư tưởng, để chuyển tải điều gì đó tới người đọc. Lý do, khi chuyển dịch những yếu tố thơ sẽ bị giảm thiểu hoặc mất đi. Bài thơ sẽ nhạt nhẽo hay chẳng còn lại gì, nếu chỉ ghi lại những tình tự hay tường thuật những điều đang xảy ra mà không mang một ý nghĩa gì sâu sắc.

Chỉ mới hai số, *Báo Giấy* song ngữ đã tác động tới một số tạp chí văn học từ các nước khác trên thế giới và đề nghị hợp tác như *Imagine & Poesia*, ở Ý, *Literacka Krytycka*, Ba Lan (Poland), *The Seventh Quarry*, ở Wales, *Korea* hải ngoại ... Một website của Phong trào Văn học Nghệ thuật Toàn cầu của Ý, *Imagine & Poesia*, đã đưa *Poetry Journal in Print* vào website của họ như một cộng tác viên (partnership). Nhưng chúng ta chỉ có thể dịch bài thơ từ nguyên bản tiếng Anh, chứ không thể dịch lại một bài thơ dịch qua tiếng Anh từ một ngôn ngữ khác. Thơ Tân hình thức Việt không có mục đích trao đổi văn hóa hay đáp ứng nhu cầu của giới nghiên cứu, mà là tìm người đọc bình thường từ những ngôn ngữ và văn hóa khác.

Kiều Maily
PALEI

Thuở đất trời đổi mới
dân làng bỏ đi vào
thành phố làm ăn làm
việc làng làm thừa. Để

mấy tháng sau xum xuê
về rù rê nhau bỏ
đi nhiều hơn làng thừa
hơn. Rồi Ramurwan

người về màu áo tiếng
cười làng như thể xóm
hơn. Và rồi năm tới
năm sau nữa người bỏ

làng đi có nhiều người
không về làng vắng càng
vắng hơn. Tết không về
Katê không về đến mùa

Ramurwan cũng không
thấy về. Cha nói năm
có mỗi Ramurwan
mà không về palei

một lần thì thôi chớ.
Năm nay lấy có hạn
hán mắt mùa không có
nước tưới nước tắm nước

đánh răng cũng phải mua.
Phan Rang nóng hơn Sài
Gòn khô hơn miền Tây
chú Thần không về chị

Toa không về. Nhà bỏ
hoang Ghur thành Ghur hoang
làng làm hoang. Người bỏ
đi đâu mất rồi.

Trâm Phục Khắc
BÀN TAY

Người đàn ông sống như chưa sống
chết như chưa chết đi về nơi
ở mà như chưa ở xa lạ
xa lạ và xa lạ ... nắm lấy

bàn tay người đàn bà lạnh lạnh
lắm mà như chưa lạnh leo lên
khoảng trời trên quanh quất rồi lại
leo xuống rêu rêu chỉ toàn rêu

và ẩm và ẩm ẩm như hơi
thở không trời không đất không ước
ao chỉ là sống ... sống thôi mà
làm sao để sống thật chẳng ra

làm sao chẳng thà chết lại là
hay vậy mà vẫn chưa thể chết ...
cho ra chết ra khỏi đất khỏi
trời khỏi rêu khỏi ẩm đọng đưa

giữa ở và không ở leo lên
khoảng trời trên quanh quất rồi lại
leo xuống ... nắm lấy bàn tay ... đến
là lạ bàn tay người đàn bà

vẫn ẩm đầy thôi vẫn chỉ là
quanh cạ thờ mà chưa thờ mãi
rồi lại nằm đây với người đàn
bà ẩm ẩm...khoảng trời ẩm ẩm

Nguyễn Văn Vũ
CẢM NHẬN

sương mai trốn mặt trời sau
những tán lá ngái ngủ rồi sà xuống
cùng mặt trời đặt môi lên
những ngạc nhiên nở tung tóe ước mơ

ước mơ có em lúc này
để nhắc lại tên những bông hoa hồng
phảng phất âm hưởng của tình
yêu của máu của hạnh phúc mà tôi

đã vô tình quên đi hoặc
lẫn lộn tên này qua tên khác (giữa
cả chục tên gọi bằng tiếng
nước ngoài) thật ngạc nhiên như chuyện ngày

xưa ngày xưa những bông hoa
hồng của thân tình yêu từ những mơ
nào xa xôi về chen chúc
bên góc vườn thơm như vạt nắng cóm

nở tung tóe hạt sương trong
ngàn có em ước mơ sà xuống cùng
mặt trời lắng nghe hạnh phúc
đang nở ra từ những bông hoa hồng

để biết ơn em biết ơn
mẹ của niềm hạnh phúc đang nở ra
những mùa màng mưa nắng phải
thì xanh mầm mống từng ngày ngạc nhiên

Đầu thu 2016

Vương Ngọc Minh
BUỔI TRƯA TRƯỚC
NGÀY MỒNG BỐN TẾT 2017

tặng lễ minh chánh

vì cần một ý tưởng mới
cho bài thơ tân hình thức
tôi sẽ đứng ven đường cái
đợi miết (!) gặp ai cũng đưa

cả nắm chữ đủ màu đủ
nghĩa (sắc sắc – không không) khăn
khoản nói “vì cần một ý
tưởng mới cho bài thơ tân

hình thức xin quý ông quý
bà nhận giùm vì như quý
ông quý bà không cầm lấy
chúng sẽ ăn tôi mất dù

có cần thận nhét chúng vào
bao bố to cột chặt yếm
bùa..” đã nói đến thế nhưng
tôi biết sẽ chẳng ma nào

chịu cầm lấy và rồi tôi
cứ đứng ven đường cái đợi
miết (!) cho tới biệt dạng bóng
người còn lại mỗi mình tôi

gỡ đồng hồ đeo tay thay
pin cũng vào lúc đấy tôi
biết sẽ luôn luôn có cảm
giác mình gần như chỉ mới

đến đời này thấy tuyền (sắc
sắc – không không) tính tới nay
thì ở chưa được bao lâu
mà bóng xế đã ngang mày

từ bao giờ.. bấy giờ có
thề tôi sẽ nghiêng vai hát
bao bố to đựng nắm nắm
chữ (đủ màu đủ nghĩa) xuống

và dù hay chữ đã lọt
mất hết (chẳng còn gì trong
bao bố!) tuy nhiên cái ý
nghĩ cần một ý tưởng mới

cho bài thơ tân hình thức
còn i nguyên tôi sẽ dùng lưới
rà soát đoạn rê rê đứng
ven đường cái đợi (người!) miết

Khế Iêm
VÔ ĐỀ

Tôi đứng ở góc phòng lò
mờ giữa sự vật và hiện
thực trong phút chốc lắng nghe
chùng như hoang phế lan dần

và cơn sốt lan dần như
hòn than nóng lên trong tôi
tôi đang mất tôi từ từ
từ từ bùng bùng tôi là

hòn than cơn sốt giải phóng
tôi khỏi tâm trí và cảm
xúc tù ngục của con người
từ trong ra ngoài toàn thân

tôi là chất đen giống loài
tôi là than ngôn ngữ tôi
là lửa linh hồn tôi là
tàn tro thế giới tôi là

đêm tối và lửa hồng chào
bạn người nhé tôi là hòn
than tôi là tôi dị kỳ
không sai.

Xuân Thủy
TRÊN CON ĐƯỜNG

Trên con đường nhiều người
nhiều lời trên con đường
thời gian trôi trôi trên
con đường nhiều nụ cười
nhiều người người lướt
nhẹ trên mặt người dòng
sông trôi trôi trên con
đường nhiều niềm vui vui
đủ để thấy trên con đường
nhiều người người ...

POETRY AS ENCHANTMENT

THƠ NHƯ NIỀM MÊ HOẶC

Dana Gioia

My fourth and final anecdote is more positive, and it suggests that the literary culture is again changing. When I became Chairman of the *National Endowment for the Arts* in 2003, I hoped to make arts education a primary objective of federal cultural policy. American students needed to experience the arts as a natural part of their schooling. This was an immensely complicated and expensive goal, fraught with legislative, bureaucratic, operational, and financial challenges. We decided to start with a program that could be executed quickly on a large scale without a huge investment. What we conceived was a national poetry recitation contest for high school students that would begin at a class level, and then move on to school, local, state, and national competitions. We successfully tested the idea in Chicago and Washington D.C., but when the agency tried to expand it, the arts education officials in the 50 states initially refused to adopt it.

The state arts education experts had four major objections to the program. First, they believed that students hated poetry. (Am I wrong to suspect that this assumption suggests that the experts themselves disliked poetry?) Second, they maintained that memorization was repressive and stifled creativity. Some of them added that memorization victimized minority students since standard English was not spoken in their homes. Third, they unanimously felt that competition had no place in the arts. There should be no winners or losers. In arts education, ev-

Chuyện kể thứ tư và là cuối cùng của tôi có tính tích cực hơn nhiều, và nó gợi ra rằng nền văn hóa về văn học lại đang thay đổi. Năm 2003, khi tôi trở thành Chủ tịch của *Quỹ Yểm trợ Nghệ thuật Toàn quốc* (NEA), tôi đã hi vọng làm cho công cuộc giáo dục các ngành nghệ thuật trở thành mục tiêu chủ yếu của chính sách văn hóa liên bang. Học sinh Mỹ cần được trải nghiệm về các ngành nghệ thuật như một phần tự nhiên của việc học tại nhà trường. Đây là một mục tiêu vô cùng phức tạp và tốn kém, đầy những thách thức đến từ ngành lập pháp, thách thức do thói quan liêu, bộ máy vận hành, và tài chính. Chúng tôi đã quyết định khởi cuộc bằng một chương trình có thể được thực thi nhanh chóng trên qui mô rộng mà không cần tới một khoản tiền đầu tư khổng lồ. Điều chúng tôi nghĩ tới là một cuộc tranh tài đọc thuộc lòng thơ ở phạm vi toàn quốc dành cho học sinh trung học, bắt đầu bằng việc tranh tài trong lớp, rồi lên dần tới qui mô toàn trường, tới địa phương, rồi tới bang, cuối cùng là cuộc tranh tài ở qui mô toàn quốc. Chúng tôi đã thử nghiệm thành công ý tưởng này tại Chicago và Washington D. C., nhưng khi cơ quan chúng tôi thử mở rộng nó, thì những viên chức về giáo dục nghệ thuật của 50 bang thoạt đầu không chấp nhận thử nghiệm.

Những chuyên viên ngành giáo dục nghệ thuật của bang nêu ra bốn lí do chính để phản đối chương trình. Thứ nhất, họ tin rằng học sinh ghét thơ. (Tôi có lầm chăng, khi ngờ rằng giả định này gợi ra rằng chính những chuyên viên đó ghét thơ?) Thứ hai, họ duy trì quan điểm rằng việc buộc học thuộc lòng là khắc nghiệt và bóp nghẹt năng lực sáng tạo. Một vài người trong số họ nói thêm rằng việc buộc học thuộc lòng biến các học sinh thuộc nhóm dân thiểu số trở thành nạn nhân, vì tiếng Anh chuẩn không được dùng làm ngôn ngữ nói trong nhà họ. Thứ ba, họ nhất trí với nhau rằng họ cảm thấy việc tranh đua không có chỗ đứng trong các ngành nghệ thuật. Rằng trong nghệ thuật không có kẻ thắng người bại. Trong giáo dục nghệ thuật, mọi người

everyone should win. Finally, there was a general feeling among the educators that poetry was too intellectual for the average student. It was not an accessible art. In 2003 this dismal diagnosis was what arts education experts thought of poetry. Is it any wonder they didn't want the program?

It took a great deal of politicking, but eventually the NEA got all 50 states to try the competition for one year. We called the program Poetry Out Loud, and the Poetry Foundation of Chicago agreed to help fund it. There was a consensus among the state arts experts that the program would fail. We agreed that if it did not meet expectations, the NEA would give the state arts agencies the program's modest budget to do other things in the following year.

What happened, however, was that *Poetry Out Loud* was a huge and immediate success. Even though the program was poorly funded and not fully available in most states, *Poetry Out Loud* soon had hundreds of thousands of American teenagers memorizing and reciting poems in thousands of competitions at a local, state, and national level. Students actually liked poetry once they took it off the page. Growing up in an entertainment culture dominated by hip hop, these teenagers felt more comfortable hearing and reciting poetry than reading and analyzing it. Sound and performance was the right entry point into the art. The competitive format also added a special energy to the recitals. At these competitions, the students not only performed their poems, they also heard the poems recited by others. The performers and the audience were saturated in poetry sometimes for hours. The administrators and arts consultants were openly astonished by the program's popularity. Meanwhile the teachers were surprised that the best performers were usually not the best academic students. The winners were often problem kids—the class clown, the sullen athlete, the previously silent outsider. Moreover teachers

đều phải thắng. Cuối cùng, có một cảm thức chung nơi những nhà sư phạm rằng thơ quá trí thức đối với học sinh trung bình. Nó không phải là một nghệ thuật dễ hiểu để có thể đạt được. Năm 2003 chẩn đoán u ám này là những gì mà các chuyên viên về giáo dục nghệ thuật đã nghĩ về thơ. Liệu có chút ngạc nhiên nào chẳng khi họ đã không muốn chương trình này được thực thi?

Đã có nhiều vận động chính trị, nhưng cuối cùng thì NEA có được đủ 50 bang đồng ý cho tổ chức tranh tài trong một năm. Chúng tôi đã đặt tên chương trình là Poetry Out Loud, và Quỹ Tài trợ Thơ Chicago đồng ý đứng ra tài trợ. Có sự nhất trí giữa những chuyên viên nghệ thuật của bang rằng chương trình sẽ thất bại. Chúng tôi thỏa thuận rằng nếu nó không đáp ứng những điều mong đợi, thì NEA sẽ chỉ ban cho những cơ quan phụ trách về nghệ thuật của bang một ngân quỹ khiêm tốn cho chương trình để thực hiện những công cuộc khác trong năm tới.

Tuy nhiên điều đã xảy ra lại là chương trình *Poetry Out Loud* đã thành công vang dội và tức khắc. Mặc dù chương trình chỉ được tài trợ kém cỏi và không được thực hiện ở nhiều bang, *Poetry Out Loud* đã sớm được hàng trăm ngàn thanh thiếu niên Mỹ học thuộc lòng và đọc thuộc lòng những bài thơ trong hàng ngàn cuộc tranh tài ở các mức địa phương, bang, và quốc gia. Học sinh thực sự thích thơ khi họ tách lìa nó khỏi trang giấy. Trưởng thành trong một nền văn hóa giải trí thông trị bởi văn hóa hip hop [nhạc rap, tranh vẽ tường graffiti, và khiêu vũ cuồng nhiệt break-dancing], những thanh thiếu niên này cảm thấy thoải mái hơn khi nghe và nghe đọc thuộc lòng thơ hơn là đọc và phân tích thơ. Âm thanh và trình diễn là địa điểm đúng để đi vào nghệ thuật này. Kế hoạch tranh tài cũng đưa thêm vào một nguồn năng lượng đặc biệt cho những buổi ngâm thơ. Tại những cuộc tranh tài này, những học sinh không chỉ trình diễn những bài thơ của họ, họ còn nghe được những bài thơ đọc thuộc lòng bởi những học sinh khác. Đôi khi những người trình diễn và cử tọa chìm đắm trong thơ trong nhiều giờ liền. Những nhân viên quản lý chương trình và những chuyên viên tham vấn về nghệ thuật công khai tỏ ra kinh ngạc về sự kiện chương trình được đa số học sinh yêu thích. Trong khi đó những người dạy lại ngạc nhiên rằng những học sinh trình diễn hay nhất thường không phải là những học sinh giỏi nhất về việc học. Những người thắng cuộc thường là những em có vấn đề – học sinh hay làm trò hề trong lớp, vận động viên ủ rũ, học sinh trước đó thường lạng

noted that the energy of the competition spilled over into the rest of the course work, as students developed an increased comfort and command of literary language.

At the national finals I noticed another surprising thing. Year after year about half of the winners were first-generation Americans, kids from immigrant families who had been raised speaking another language until they entered school – Chinese, Arabic, Spanish, Portuguese, Hindi, Farsi, Creole, Russian. These were exactly the students for whom literature classes are usually most difficult. But memorizing and reciting poetry provided them with powerful means of assimilating and mastering English. Poetry proved educationally effective, just as it had for thousands of years when it was used to teach grammar, elocution, and rhetoric. This experience confirmed my conviction that there is actually a widespread appetite for poetry – if the art can be made accessible and engaging. It also demonstrated the power of performative knowledge in humanistic education. *Poetry Out Loud* has just celebrated its tenth anniversary. Two and a half million students have participated in the competition.

VII.

Poets don't seem to have fun anymore.
– Blaise Cendrars

No one has perfected a method to restore poetry's place in public culture. It is unlikely that the art will ever return to the central position it once held. But is it unreasonable to hope that poetry can acquire some additional vitality or that the audience can be increased? Isn't it silly to assume that current practices represent the best way to sustain the art into the future? There are surely opportunities for innovation, renovation, and improvement. Literary culture needs new ideas. Let me offer only two suggestions, both focused on poetry's role in education, that might broaden the art's audience. My aim isn't to reject textual analysis, critical methodology, or literary theory as necessary elements of a literary education. These are powerful and legiti-

lễ như đứng ngoài lề. Ngoài ra những người dạy lưu ý rằng nguồn năng lượng từ các cuộc tranh tài tràn được vào lớp học, khi học sinh cảm thấy thoải mái hơn và sử dụng ngôn ngữ văn học khá hơn lên.

Tại những cuộc tranh tài vòng chung kết cấp quốc gia tôi nhận ra một điều khác nữa gây kinh ngạc. Năm này sang năm khác, khoảng nửa số học sinh thắng giải là những học sinh Mỹ thuộc thế hệ thứ nhất, là những trẻ trong những gia đình nhập cư, nói một ngôn ngữ không phải tiếng Anh cho tới khi bắt đầu đặt chân vào nhà trường – là tiếng Trung quốc, A Rập, Tây Ban Nha, Ấn, Ba Tư, Creole, Nga. Với những em học sinh đó, môn văn học quả là môn khó nhất. Nhưng việc học thuộc lòng và đọc thuộc lòng thơ đã cung cấp cho các em những phương tiện rất hữu hiệu để hấp thụ và thành thạo tiếng Anh. Thơ đã tỏ ra có hiệu lực về mặt giáo dục, hết như hàng ngàn năm trước khi nó được dùng để dạy ngữ pháp, thuật diễn thuyết, và tu từ học. Trải nghiệm này chứng thực niềm xác tín của tôi rằng thực sự có khuynh hướng yêu thích thơ được thể hiện rộng khắp – nếu nghệ thuật này được làm cho dễ tiếp cận và lôi cuốn. Nó cũng minh chứng cho sức mạnh của loại kiến thức trình diễn trong nền giáo dục ngành khoa học nhân văn. Chương trình *Poetry Out Loud* vừa làm lễ kỉ niệm 10 năm thành lập. Hai triệu rưỡi học sinh đã tham dự những cuộc tranh tài.

VII.

Những nhà thơ dường như không còn trò vui nữa.
– Blaise Cendrars

Không ai hoàn thiện được một phương pháp để phục hồi địa vị của thơ trong nền văn hóa đại chúng. Không chắc rằng nghệ thuật này có bao giờ trở lại được vị trí trung tâm mà nó từng đảm nhiệm. Nhưng phải chăng là không hợp lí khi hi vọng rằng thơ có thể có thêm được chút sức sống nào đó hoặc rằng đám cử tọa của thơ có thể đông thêm? Không ngờ ngần chằng, khi giả định rằng những phương pháp rèn luyện hiện đương biểu thị cách tốt nhất để duy trì nghệ thuật này trong tương lai? Chắc chắn rằng có những cơ hội để cách tân, tu sửa và cải thiện. Nền văn hóa về văn học cần những ý tưởng mới. Cho phép tôi được đưa ra chỉ hai đề xuất thôi, cả hai đều tập trung vào vai trò của thơ trong việc giáo dục, khiến có thể làm cho nhiều người đến với nghệ thuật này hơn. Mục đích của tôi không phải là bác bỏ việc phê bình văn bản, bác bỏ phương pháp luận về phê

mate ways of apprehending literature. My point is simply that they would work better if they were combined with other methods.

My first suggestion is to recognize the power of enchantment in teaching poetry. The best way to engage the imagination of students is to augment critical analysis with experiential, performative, and creative forms of knowledge. Memorization and recitation should be restored as foundational techniques. Bringing students the pleasure and exhilaration of poetry is necessary before the analysis of it has much relevance to them. There should also be creative forms of engagement such as writing imitations, responses, and parodies, or setting poems to music. Students need to have more experience listening to poems aloud, even though that takes up finite classroom time. Reading poetry silently on the page (or aloud in little snatches) as part of textual explication is an incomplete introduction to the art. It is drab and bloodless like viewing the masterpieces of Cezanne and Van Gogh in black and white reproductions. One sees some wonderful things but also misses something essential. Like song or dance, poetry needs to be experienced in performance before it can be fully understood.

(Be continued)

binh, hoặc lí thuyết văn học, vốn là những yếu tố cần thiết của một nền giáo dục về văn học. Chúng là những phương cách đầy hiệu lực và chính thống để hiểu rõ văn học. Điểm chính yếu trong đề xuất của tôi chỉ đơn giản là chúng sẽ thực hiện phần việc của chúng tốt hơn nữa nếu chúng được phối hợp với những phương pháp khác.

Đề xuất thứ nhất của tôi là cần thừa nhận sức mạnh của niềm mê hoặc trong việc giảng dạy về thơ. Cách tốt nhất để khơi dậy trí tưởng tượng của học sinh là đưa thêm vào việc phân tích nặng về phê bình những dạng kiến thức có tính thực nghiệm, trình diễn, và sáng tạo. Đem lại cho học sinh niềm vui và sự phấn chấn do thơ gây ra là cần thiết trước khi phân tích thơ, cũng là điều thích hợp với các em. Hẳn cũng còn có những dạng sáng tạo khác để khơi dậy trí tưởng tượng, tí như viết những bài mô phỏng, hưởng ứng, và bài nhại, hoặc phổ nhạc các bài thơ. Học sinh cần nhiều trải nghiệm hơn về việc nghe thơ được xướng lớn tiếng, cho dù việc này mất thời gian vốn là có hạn trong lớp. Đọc thầm thơ trên trang sách (hoặc chỉ đọc lớn tiếng từng đoạn) như một phần của việc giải thích văn bản là cách dẫn nhập không trọn vẹn vào nghệ thuật này. Nó thì buồn tẻ và thiếu máu, giống như thưởng thức những kiệt tác của Cézanne và Van Gogh qua những bản sao in trắng đen. Ta nhìn thấy được vài thứ gì đó tuyệt vời nhưng mất đi cái chính yếu. Giống như bài hát và điệu múa, thơ cần được trải nghiệm qua việc trình diễn trước khi nó được hiểu trọn vẹn.

Translated into Vietnamese by Phạm Kiều Tùng

(Còn nữa)